

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH A G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/02/2021.

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH A G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu V Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Phước Công**;

2. Ông **Ngô Văn Được**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Tường Vi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh A G: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 891/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 636/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: số 513, ấp H H, xã KA, huyện C M, tỉnh A G, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: số 513, ấp H H, xã KA, huyện C M, tỉnh A G, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được và tại phiên tòa, N đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà và ông T do mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004, nhưng đến năm 2007 ông bà mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã KA, huyện C M, tỉnh A G. Ông bà sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân do bất đồng

quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp nhau. Ông T quản lý tiền bạc trong gia đình, không đưa cho bà chi tiêu, sinh hoạt, mỗi khi bà nói đến thì xảy ra cự cãi, tuy mâu thuẫn nhưng vợ chồng vẫn sống chung gia đình cũng vì thương con. Nay nhận thấy tình cảm không còn bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày 17/01/2006, Huỳnh Thanh V, sinh ngày 25/8/2007, Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/12/20016, Huỳnh Thị Tố N, sinh ngày 19.01.2019. Hiện các cháu đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Huỳnh Văn T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bà P khởi kiện ông T cư trú ấp H H, xãKA, huyện C M, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2]. *Về hôn nhân*: Bà P và ông T do mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2004, nhưng đến năm 2007 ông bà mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xãKA, huyện C M, tỉnh A G. Anh chị sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân sống chung không tình cảm, ông T quản lý tiền bạc trong gia đình, không đưa cho bà chi tiêu, sinh hoạt nuôi con, khi bà nói thì xảy ra cự cãi, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa bà P, ông T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà P yêu cầu ly hôn với ông T, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn....” Tại phiên tòa, bà P xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 04 con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày 17/01/2006, Huỳnh Thanh V, sinh ngày 25/8/2007, Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/12/20016, Huỳnh Thị Tố N, sinh ngày 19.01.2019. Hiện nay các con chung đang sống chung trong gia đình. Khi ly hôn bà P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay các cháu đang sống với chị P sống ổn định vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, ông T không có ý kiến phản đối. Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu V, cháu P thì cháu có nguyện vọng sống với bà P, ông T cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu P, cháu V, cháu B, cháu N cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa, bà P yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng /01 cháu, ông T vắng mặt không có ý kiến về việc bà P yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận đối với yêu cầu này.

[5]. *Về tài sản chung*: Bà Nguyễn Thị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Bà Nguyễn Thị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ghi nhận bà P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có N đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà thời kỳ hôn nhân thì ông bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án P*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P và lệ P Tòa án, bà Nguyễn Thị P, ông Huỳnh Văn T phải chịu án P theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P và lệ P Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51 quyền số 01 ngày 16/3/2007 của Ủy ban nhân xãKA, huyện C M, tỉnh A G không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị P được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng 04 con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày 17/01/2006, Huỳnh Thanh V, sinh ngày 25/8/2007, Huỳnh Gia B, sinh ngày 02/12/20016, Huỳnh Thị Tổ N, sinh ngày 19.01.2019. Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng 750.000 đồng/01 cháu cho đến khi thành niên.

Bà Nguyễn Thị P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị P xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông bà, thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án P: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án P hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013854 ngày 09.11.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh A G. Bà Nguyễn Thị P không phải nộp thêm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A G;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- UBND xã KA, huyện C M;
- tỉnh A G.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn